

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 29-01-2024
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ

Bà Lê Thị Kim Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 502/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Thanh H**, sinh năm 1985.

Địa chỉ thường trú: Thôn H, xã L, huyện Đ, thành phố H.

Địa chỉ tạm trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Anh **Ngô Xuân D**, sinh năm 1983.

Địa chỉ thường trú: Thôn H, xã L, huyện Đ, thành phố H.

Địa chỉ tạm trú: Ấp P1, xã H, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Xuân D chung sống trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, thành phố H (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01/2009 ngày

05/01/2009). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xuyên bất hòa. Từ khoảng tháng 01/2017, anh D dọn ra ngoài sống riêng nên vợ chồng ly thân nhau cho đến nay không hòa giải đoàn tụ. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh D.

- Con chung: có 03 cháu gồm Ngô Quang T- sinh ngày 12/9/2009, Ngô Quang Ph- sinh ngày 26/8/2014 và Ngô Quang Th - sinh ngày 04/11/2016. Hiện nay cháu T đang sống cùng anh D, còn cháu Ph và Th sống cùng chị. Nếu ly hôn, chị H đồng ý giao cháu T cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chị xin nuôi cháu Ph và cháu Th, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận đi làm nên chị H xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

** Bị đơn anh Ngô Xuân D trình bày:*

Anh và chị Phạm Thị Thanh H tự nguyện chung sống vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, thành phố H theo giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyền số 01/01/2009 ngày 05/01/2009.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên bất hòa. Từ khoảng tháng 01/2017 anh chị sống ly thân nhau đến nay không hòa giải đoàn tụ lần nào. Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý thuận tình ly hôn với chị H.

- Con chung: có 03 cháu gồm Ngô Quang T- sinh ngày 12/9/2009, Ngô Quang Ph- sinh ngày 26/8/2014 và Ngô Quang Th - sinh ngày 04/11/2016. Ly hôn, anh xin nuôi cháu T, đồng ý giao cháu Ph và cháu Th cho chị H nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận đi làm nên anh D xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị Thanh H và anh Ngô Xuân D tự nguyện chung sống vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện

Đ, thành phố H, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 05/01/2009. Quá trình chung sống anh chị có 03 con chung gồm Ngô Quang T- sinh ngày 12/9/2009, Ngô Quang Ph- sinh ngày 26/8/2014 và Ngô Quang Th - sinh ngày 04/11/2016. Do bất đồng quan điểm sống nên từ tháng 01/2017 chị H và anh D sống ly thân nhau. Nay chị H yêu cầu giải quyết ly hôn, đồng ý giao cháu T cho anh D nuôi dưỡng, chị H xin nuôi cháu Th và cháu Ph, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh D đồng ý với các yêu cầu của chị H. Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị Thanh H và anh Ngô Xuân D có yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự:

Chị Phạm Thị Thanh H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Ngô Xuân D. Theo xác nhận của Công an xã H, huyện N thể hiện anh D hiện đang sinh sống tại ấp P1, xã H, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quan hệ pháp luật được xác định “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Phạm Thị Thanh H, bị đơn là anh Ngô Xuân D.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh H và anh Ngô Xuân D chung sống vào năm 2009, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, thành phố H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01/2009 ngày 05/01/2009. Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 thì hôn nhân trên được xem là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Chị H và anh D đều thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên thường xuyên bất hòa. Từ tháng 01/2017 anh chị sống ly thân đến nay không hòa giải đoàn tụ lần nào. Nay chị H yêu cầu giải quyết ly hôn, anh D đồng ý thuận tình. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H, anh D đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị H được ly hôn anh D là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị H và anh D khai có 03 cháu gồm Ngô Quang T- sinh ngày 12/9/2009, Ngô Quang Ph- sinh ngày 26/8/2014 và Ngô Quang Th - sinh ngày 04/11/2016. Ly hôn, chị H đồng ý giao cháu T cho anh D nuôi dưỡng, chị xin nuôi

cháu Ph và cháu Th, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh D đồng ý với yêu cầu của chị H.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con chung của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên cần ghi nhận.

[5]. Tài sản chung: Chị H và anh D khai không có nên không xét.

[6]. Nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016, chị Phạm Thị Thanh H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh H về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Ngô Xuân D.

1. Xử: Cho chị Phạm Thị Thanh H được ly hôn anh Ngô Xuân D.

2. Về con chung: Xử giao cháu Ngô Quang T - sinh ngày 12/9/2009 cho anh Ngô Xuân D nuôi dưỡng. Giao cháu Ngô Quang Ph - sinh ngày 26/8/2014 và Ngô Quang Th - sinh ngày 04/11/2016 cho chị Phạm Thị Thanh H nuôi dưỡng. Tạm thời chị H, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008424 ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Chị H đã nộp đủ án phí.

Chị Phạm Thị Thanh H, anh Ngô Xuân D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai